TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HỆN THUỶ NGUYÊN
TNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - H phúc

Bản án số: 149/2017/HSST
Ngày: 29-12-2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HỆN THUỶ NGUYÊN, TNH PHỐ HẢI PHÒNG

Với Tnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Sự

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Đức Cảnh

2. Ông Hoàng Đắc Hân

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Đinh Thị Mến- cán bộ Toà án nhân dân Hện Thuỷ Nguyên Tnh phố Hải Phòng;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Hện Thuỷ Nguyên tham gia phiên toà: bà Nguyễn Thị Vân - kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2017 tại Trụ sở Toà án nhân dân Hện Thuỷ Nguyên Tnh phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 110/2017/HSST ngày 31 tháng 10 năm 2017 đối với bị cáo:

Vũ Văn T, sinh năm 1979; Nơi cư trú: thôn T, xã T, Hện T, Tnh phố Hải Phòng; nghiề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 07/12; con ông Vũ Văn C, sinh năm 1947 và bà Nguyễn Thị M (đã chết); có vợ là Nguyễn Thị L, sinh năm 1980, có 02 con (con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2008); tiền án, tiền sự: không; Bị can bị tạm giữ từ ngày 04/6/2017 đến ngày 09/6/2017 cHển tạm giam. Có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

- Chị Trịnh Thị T, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn 5, xã K, Hện T, Thanh phố Hải Phòng. Vắng mặt.

- Cháu Đỗ Đức H, sinh ngày 08/4/2013 (đã chết); địa chỉ: Thôn 5, xã K, Hện T, Tnh phố Hải Phòng.

Người đại diện hợp pháp: Chị Trịnh Thị T, sinh năm 1992 và anh Đỗ Văn H, sinh năm 1987 (là bố mẹ đẻ của cháu Đỗ Đức H); địa chỉ: thôn 5, xã K, Hện T, Tnh phố Hải Phòng. Anh H có mặt.

NHẬN THẤY

Bị cáo Vũ Văn Tbị Viện kiểm sát nhân dân Hện Thuỷ Nguyên Tnh phố Hải Phòng truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 18 giờ 40 phút, ngày 03/6/2017 tại tỉnh lộ 352 thuộc địa phận xã Q, Hện T, Tnh phố Hải Phòng xảy ra vụ tai nạn giao thông G xe ô tô BKS 15C-12788 do Vũ Văn Tđiều khiển theo hướng từ xã C đi xã Lại Xuân vượt xe không đảm bảo quy định đã va chạm với xe mô tô BKS 15G1-13604 do chị Trịnh Thị T, sinh năm 1992 trú tại: thôn 5, xã K, Hện T, Tnh phố Hải Phòng điều khiển đi ngược chiều trên xe có chở cháu Đỗ Đức H (sinh ngày 08/4/2013) ngồi phía trước. Khi biết tai nạn xảy ra Tphóng xe bỏ chạy, quần chúng nhân dân đã đưa chị T và cháu H đi cấp cứu. Hậu quả làm cháu H bị thương được đưa đi cấp cứu đến ngày 04/6/2017 cháu H tử vong, chị T bị thương tích, các phương tiện bị hư hỏng.

Khoảng 22h ngày 03/6/2017 Vũ Văn Tđến Công an đầu thú, cơ quan Công an tiến hành kiểm tra nồng độ cồn của Vũ Văn Tcó kết quả: nồng độ cồn trong hơi thở của Vũ Văn Tlà 0,334mg/l.

Tại Bản kết luận giám định pháp ý số: 95/2017/TgT ngày 08/6/2017 của Ttâm pháp y Hải Phòng kết luận: nguyên nhân cháu Đỗ Đức H chết do sốc chấn thương sọ não, thương tích hình Tnh do va đập mạnh.

Tại Bản kết luận giám định số 329/2017/TgT ngày 04/7/2017 của Ttâm Pháp y Hải Phòng kết luận: Chị Trịnh Thị T bị đa chấn thương gây sưng, nề tụ máu, xây xước da một số nơi, rách da gối trái và gãy kín 02 xương cẳng chân trái. Các thương tích trên làm giảm 27% sức khỏe, các thương tích trên do tác động tương hỗ trực tiếp các vùng bị thương với vật tày cứng gây nên.

Tại Bản kết luận định giá thiệt hại tài sản ngày 24/7/2017 thay thế phụ T và công thợ sửa chữa xe mô tô BKS 15G1-13604 là 8.841.000 đồng.

Khám nghiệm hiện trường nơi xảy ra tai nạn thu thập các dấu vết: Mặt đường rộng 9m được trải nhựa phẳng, có gờ giảm tốc, trong vùng hiệu lực của các biển báo nguy hiểm (giao nhau với đường không ưu tiên và đường gấp khúc). Trên mặt đường có một vết cày xước từ rõ tới mờ dài 14.3m, điểm đầu vết cày xước cách mép đường bên trái là 0.9m, điểm cuối vết xước nằm chính G trục xe mô tô BKS 15G1-136.04 đổ nghiêng phải trên lề đường bên trái. Trục bánh trước xe mô tô BKS 15G1-136.04 cách mép đường bên trái là 0.8m, cách vạch sơn gờ giảm tốc (cuối cùng) trên mặt đường là 1.5m; trục bánh sau xe mô tô cách mép đường bên trái là 1.5m. Một đám máu nhỏ giọt trên lề đường bên trái (kích thước 25cmx15cm) tâm đám máu này cách lề đường bên trái là 1.8m, và cách trục bánh xe mô tô BKS 15G1-136.04 là 3.3m.

Cơ quan điều tra tiến hành khám các phương tiện giao thông gây tai nạn thu thập các dấu vết:

Xe ô tô BKS 15C-12788 góc trái trước nắp (capo) đầu xe bị móp lõm (kích thước 46cm x 37cm) có chiều từ trước về sau. Toàn bộ cụm đèn pha, đèn cHển hướng bên trái vỡ thủng . Mặt trước bên trái ốp mành tản nhiệt và ốp cản trước đầu xe (vị trí xung quanh cụm đèn pha bên trái) bị gãy vỡ móp méo, mài xước (kích

thước 80cm x 65cm) theo chiều từ trước về sau, từ phải sang trái làm méo hõm đầu ốp cản trước bật rời, điểm thấp nhất cách mặt đất 38cm.

Xe mô tô biển kiểm soát 15G1-136.04 đầu tay lái phía trên gãy rời di lệch, ốp nhựa đầu xe gãy vỡ, mặt gương chiếu hậu bên trái vỡ, cần chân gương hai bên vênh lệch. Toàn bộ ốp nhựa trước và bên trái xe mô tô gãy vỡ (kích thước 47cm x 27cm) có chiều từ trước về sau, để lộ phía trong cụm đèn pha bật rời di lệch, đèn cHển hướng bên trái vỡ không còn, trên bề mặt có bám dính lại tạp chất lạ màu nâu (nghi sơn). Hai giảm sóc trước vênh lệch từ phải sang trái làm bánh xe trước xoay ngang, mặt ngoài 1/3 phía trước giảm sóc bên phải có vết mài xước sạch bụi (kích thước 15cm x 3cm) có chiều từ trước về sau, điểm thấp nhất cách mặt đất 30cm. Cạnh đầu nắm bên phải bị mài xước cao su, bám dính bột đất có chiều hướng từ sau về trước. Toàn bộ mặt ngoài cạnh bàn để chân trước và sau bên phải có đám vết mài xước (kích thước 17cm x 11cm) chiều từ sau về trước. Toàn bộ mặt ngoài ốp bảo vệ ống xả bị mài xước trên diện (34 x 5,5cm) chiều từ sau về trước.

Tại cơ quan điều tra chị Trịnh Thị T khai: Khoảng 18 giờ ngày 03/6/2017 chị điều khiển xe mô tô BKS 15G1-13604 với vận tốc 25-30km/h đi theo hướng xã K đi xã Hợp Tnh. Trên xe có chở con trai chị là cháu Đỗ Đức H ngồi ở võng xe. Khi đến đoạn đường đối diện cây xăng thuộc địa phận thôn G, xã Q, Hện T, Tnh phố Hải Phòng (gần lối rẽ vào xã Hợp Tnh) chị điều khiển xe đi sát vào lề đường bên phải thì chị thấy có vật gì đó đâm vào đầu xe chị đang điều khiển, chị không nhớ vụ việc tai nạn xảy ra như thế nào. Cháu Đỗ Đức H con chị đã bị chết, thương tích của chị hiện đã ổn định. Gia đình Vũ Văn Tđã bồi thường cho gia đình chị 130.000.000 đồng. Gia đình chị không có yêu cầu bồi thường thêm và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với T.

Tại cơ quan điều tra Vũ Văn Tkhai: Tcó giấy phép lái xe ô tô hạng C do sở giao thông vận tải Hải Phòng cấp ngày 14/02/2014 có giá trị đến ngày 14/02/2019. Trước khi xảy ra tai nạn Tcó ngồi uống bia với anh Hoàng Văn Mạnh, sinh năm 1981, trú tại: thôn 8, xã C, Hện T, Tnh phố Hải Phòng. Đến khoảng 18 giờ ngày 03/6/2017 Tđiều khiển xe ô tô BKS 15C-12788 là xe Tmượn trước đó của anh Nguyễn Văn Định, sinh năm 1981, trú tại thôn T Chùa, xã T, Hện T, Tnh phố Hải Phòng để chở anh Hoàng Văn Mạnh về nhà, sau khi chở anh Mạnh về nhà, Tđiều khiển xe ô tô đến đoạn đường tỉnh lộ 352 thuộc địa phận thôn G, xã Q, Hện T thấy phía trước có một xe tải cùng chiều (không nhớ rõ biển số, đặc điểm xe) Tđiều khiển xe ô tô vượt xe tải phía trước về bên trái đã đâm vào xe mô tô của chị T chở cháu H đi ngược chiều sát mép đường bên trái theo hướng di cHển. Do hoảng sợ nên Tđã điều khiển xe bỏ chạy về hướng xã K, không đưa mẹ con chị T đi cấp cứu. Đến khoảng 22h cùng ngày, Tđến công an Hện T trình diện.

Theo các anh Doãn Văn T, Vũ Văn T và bà Bùi Thị M là những người có mặt tại hiện trường nơi xảy ra tai nạn giao thông đều khai phù hợp với lời khai của Tnhư nội dung trên.

Tại bản cáo trạng số 128/CT-VKS, ngày 30/10/2017 Viện kiểm sát nhân dân Hện T truy tố bị cáo Vũ Văn Tvề tội " Vi phạm quy định về điều khiển

phương tiện giao thông đường bộ ” theo các điểm b, c, khoản 2, Điều 202 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Vũ Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Hện T đã truy tố.

Tại phiên tòa ý kiến của Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Vũ Văn T về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo điểm b, c, khoản 2, Điều 202 Bộ luật hình sự như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: điểm b, c, khoản 2, Điều 202; Điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự xử phạt: Bị cáo Vũ Văn Ttừ
48 đến 54 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/6/2017; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; về dân sự: Người đại diện hợp pháp của người bị hại không có yêu cầu bồi thường thêm và đã có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, nên không đề nghị giải quyết. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên trả bị cáo 01 Giấy phép lái xe số: 310083007491, hạng C mang tên Vũ Văn T.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY

Lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra phù hợp lời khai tại phiên toà, phù hợp với lời khai của người bị hại và người đại diện hợp pháp của người bị hại; người làm chứng; biên bản khám nghiệm hiện trường; biên bản khám nghiệm phương tiện và Bản kết luận giám định pháp y số 95/2017/ TgT, ngày 08/6/20147 của Ttâm pháp y Hải Phòng; Bản kết luận giám định số 329/2017/TgT ngày 04/7/2017 của Ttâm pháp y Hải Phòng và phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ căn cứ xác định: Bị cáo Vũ Văn Tlàm nghề lái xe và có giấy phép lái xe hạng C do sở giao thông vận tải Hải Phòng cấp ngày 14/02/2014, giá trị đến hết ngày 14/02/2019. Khoảng 18 giờ, ngày 03/6/2017 bị cáo điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 15C-12788 đến đoạn đường tỉnh lộ 352 thuộc địa phận thôn G, xã Q, Hện T, xác định trong quá trình điều khiển xe ô tô bị cáo Tđã vi phạm các qui định của nhà nước về giao thông vận tải đường bộ theo khoản 8, Điều 8; khoản 1, Điều 9 và khoản 2, Điều 14 Luật giao thông đường bộ là khi điều khiển xe ô tô bị cáo có sử dụng rượu bia có nồng độ cồn trong hơi thở của bị cáo là 0,334mg/l và trong khi điều khiển xe không chấp hành hệ thống báo hiệu đường bộ, vượt xe không đảm bảo an toàn đã gây tai nạn giao thông và gây ra hậu quả nghiêm trọng làm cháu Đỗ Đức H 4 tuổi bị chết, chị Trịnh Thị T mẹ đẻ cháu H bị thương tích giảm 27% sức khỏe, xe mô tô BKS 15G1-136.04 của chị T bị hỏng có giá trị 8.841.000 đồng. Sau khi gây tai nạn bị cáo bỏ chạy không cứu giúp người bị hại. Nên bị cáo Vũ Văn Tđã phạm tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” quy định tại điểm b, c, khoản 2, Điều 202 Bộ luật hình sự.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến trật tự công cộng được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội nên cần thiết phải áp dụng hình phạt nghiêm đối với bị cáo.

Xem xét đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo, tính chất vụ án và quyết định hình phạt:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự bị cáo Tkhông có. Sau khi phạm tội bị cáo đã ra trình diện; Tnh khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường thiệt hại; người bị hại và người đại diện hợp pháp của người bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đó là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm p, b khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Song, xét hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, nên cần áp dụng hình phạt nghiêm trên mức khởi điểm của khung hình phạt, buộc bị cáo cách ly ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới đủ điều kiện giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Theo qui định tại khoản 5 Điều 202 Bộ luật Hình sự quy định: "Người phạm tội còn có thể bị cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm" . Xét thấy không cần phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo và trả lại bị cáo 01 Giấy phép lái xe số: 310083007491, hạng C mang tên Vũ Văn T.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa đại diện hợp pháp của người bị hại anh Đỗ Văn H trình bày, anh đã nghe rõ lời trình bày của bị cáo và không có ý kiến gì thêm, gia đình anh đã nhận được số tiền bồi thường của bị cáo là 130.000.000 đồng, gia đình anh không có yêu cầu bồi thường thêm và đã có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Đối với các phương tiện tham gia giao thông gây tai nạn, quá trình điều tra xác định: chủ sở hữu hợp pháp chiếc xe ô tô BKS 15C-12788 là anh Nguyễn Văn Định; chủ sử hữu hợp pháp chiếc xe mô tô BKS 15G1-136.04 là anh Đỗ Văn H (chồng chị T) các phương tiện này không liên quan đến các vi phạm pháp luật khác nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Hện T đã trả lại xe cùng giấy tờ cho anh Định, anh H sử dụng là đúng pháp luật.

Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Vũ Văn Tphạm tội "Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ"

Áp dụng điểm b, c, khoản 2, Điều 202; Điểm p, b khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự:

Xử phạt: Bị cáo Vũ Văn T60 (Sáu mươi) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/6/2017.

Trả lại bị cáo 01 Giấy phép lái xe số 310083007491, hạng C mang tên Vũ Văn T.

Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Khoản 1 Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, bị cáo Vũ Văn Tphải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, Người đại diện hợp pháp của người bị hại anh Đỗ Văn H có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại chị Trịnh Thị T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày bản án được giao cho hoặc được niêm yết.

Về quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND Hện T;
- Chi cục THADS Hện T;
- Công an Hện Thuỷ Nguyên;
- Sở Tư pháp TP Hải Phòng;
- PV 27 công an TP Hải Phòng.
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Hồ sơ vụ án;
-Lưu.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Sự

Nơi nhận:
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND Hện T;
- CCTHADS Hện T;
- Công an Hện Thuỷ Nguyên;
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo, Người tham gia tố tụng;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Sự

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

Đào Hữu Dự Nguyễn Thị Hền

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Sự

Nơi nhận:
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND Hện T;
- CCTHADS Hện T;
- Công an Hện Thuỷ Nguyên;

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo, Người tham gia tố tụng;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu.

Lê Thị Sự

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

Đào Hữu Dự Nguyễn Thị Hền

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Sự

H- ớng dẫn sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản h- ớng dẫn này đ- ợc soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 185, 224 và 307 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo h- ớng dẫn này đ- ợc sử dụng cho tất cả các Toà án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những h- ớng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) Nếu là Toà án quân sự khu vực, thì ghi Toà án quân sự khu vực mấy Quân khu nào (ví dụ: Toà án quân sự khu vực 1 quân khu 4); nếu là Toà án quân sự quân khu thì ghi Toà án quân sự quân khu nào (ví dụ: Toà án quân sự Quân khu Thủ đô); nếu là Toà án nhân dân Hện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi Toà án nhân dân quận (Hện, thị xã, thành phố) gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc T- ơng nào (ví dụ: Toà án nhân dân Hện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc T- ơng thì ghi Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) nào (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số bản án, ô thứ hai ghi năm ra bản án theo đúng tinh thần h- ớng dẫn của Chính phủ về cách ghi số văn bản (ví dụ: Bản án số 250/2004/HSST).

(3) Ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án đ- ợc xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay đ- ợc xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày.

(4) Ghi nh- h- ớng dẫn tại điểm (1).

(5) Nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba ng- ời, thì chỉ ghi họ và tên của Thẩm phán chủ toạ phiên toà, bỏ dòng "Thẩm phán...", đối với Hội thẩm chỉ ghi họ và tên của hai Hội thẩm; nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm ng- ời, thì ghi họ và tên của Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà, họ và tên của Thẩm phán, họ và tên của cả ba Hội thẩm. Trong tr- ờng hợp bị cáo là ng- ời ch- a thành niên, thì nhất thiết phải ghi nghề nghiệp và nơi công tác của Hội thẩm. Trong tr- ờng hợp bị cáo là ng- ời thành niên, thì không nhất thiết phải ghi nghề nghiệp và nơi công tác của Hội thẩm nhân dân.

(6) Nếu Toà án nhân dân, thì ghi Hội thẩm nhân dân; nếu Toà án quân sự, thì ghi Hội thẩm quân nhân.

(7) Ghi họ và tên của Th- ký Toà án ghi biên bản phiên toà và tên của Toà án, nơi Th- ký Toà án công tác nh- h- ớng dẫn tại điểm (1).

(8) Ghi nh- h- ớng dẫn tại điểm (1), song đổi các chữ "Toà án nhân dân" thành "Viện kiểm sát nhân dân" và "Toà án quân sự" thành "Viện kiểm sát quân sự"; nếu chỉ có một Kiểm sát viên tham gia phiên toà thì chỉ ghi họ và tên của Kiểm sát viên đó; nếu có hai Kiểm sát viên tham gia phiên toà thì phải ghi đầy đủ họ và tên của cả hai Kiểm sát viên đó.

(9) Trong tr- ờng hợp vụ án đ- ợc xét xử và kết thúc trong một ngày, thì bỏ hai chữ "Trong các" (ví dụ: Ngày 12 tháng 4 năm 2004...).

Trong tr- ờng hợp vụ án đ- ợc xét xử trong hai ngày trở lên, nếu số ngày t- ơng đối ít thì có thể ghi đủ số ngày (ví dụ: Trong các ngày 3, 4 và 5 tháng 7...); nếu số ngày nhiều liền nhau thì ghi từ ngày đến ngày (ví dụ: Trong các ngày từ ngày 3 đến ngày 7 tháng 7 năm...); nếu khác tháng mà xét xử liên tục thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Trong các ngày từ ngày 30-7 đến ngày 04-8 năm...), nếu không xét xử liên tục thì ghi các ngày của từng tháng (ví dụ: trong các ngày 29, 30, 31 tháng 7 và các ngày 03, 04 tháng 8 năm...

(10) Ô thứ nhất ghi số thụ lý sơ thẩm vụ án, ô thứ hai ghi năm thụ lý vụ án theo đúng tinh thần h- ớng dẫn của Chính phủ về cách ghi số văn bản và sau đó ghi ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Vụ án hình sự thụ lý số 175/2004/HSST ngày 20 tháng 4 năm 2004).

(11) Ghi họ và tên bị cáo và các bí danh, tên th- ờng gọi khác (nếu có); nếu thấy đến năm phạm tội mà bị cáo mới 20 tuổi, thì nhất thiết phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh; nếu trên 20 tuổi thì có thể ghi năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký hộ khẩu th- ờng trú và nơi tạm trú. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội ch- a hết thời hạn đ- ợc coi là ch- a bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội ch- a đ- ợc xoá án.

(12) Ghi ngày bị cáo bị bắt tạm giam; nếu tr- ớc đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị tạm giam và ngày đ- ợc cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên toà thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên toà thì ghi "vắng mặt".

(13) Nếu bị cáo nào có ng- ời đại diện hợp pháp thì ghi họ và tên của bị cáo đó (ví dụ: Ng- ời đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A).

(14) Sau chữ "là" ghi quan hệ nh- thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên toà thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên toà thì ghi "vắng mặt".

(15) Nếu bị cáo nào có ng- ời bào chữa thì ghi họ và tên của bị cáo đó; sau chữ Ông (Bà) ghi họ và tên của ng- ời bào chữa; nếu ng- ời bào chữa là luật s- thì ghi luật s- của Văn phòng luật s- nào và thuộc Đoàn luật s- nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật s- Văn phòng luật s- Vạn Xuân thuộc Đoàn luật s- tỉnh H); nếu không phải là luật s- thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của ng- ời bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M); nếu có mặt tại phiên toà thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên toà thì ghi "vắng mặt".

(16), (17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) Nếu có ng- ời nào tham gia tố tụng thì ghi họ và tên, tuổi, nơi c- trú của ng- ời đó. Trong tr- ờng hợp ng- ời bị hại là ng- ời bị xâm phạm về tính mạng, sức khoẻ, nhân phẩm, danh dự và là ng- ời ch- a thành niên, thì nhất thiết phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của ng- ời bị hại; nếu có mặt tại phiên toà thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên toà thì ghi "vắng mặt".

(24) Nếu ng- ời bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, ng- ời có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có ng- ời bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi họ và tên của họ theo thứ tự; sau chữ Ông (Bà) ghi họ và tên; nếu ng- ời bảo vệ quyền lợi của đ- ơng sự là luật s- thì ghi luật s- của Văn phòng luật s- nào và thuộc Đoàn luật s- nào; nếu không phải là luật s- thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của ng- ời bảo vệ quyền lợi cho đ- ơng sự; nếu có mặt tại phiên toà thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên toà thì ghi "vắng mặt".

(25) Trong phần này, cần chú ý chỉ ghi các hành vi phạm tội của các bị cáo mà Viện kiểm sát truy tố trong nội dung của cáo trạng, những hành vi khác tuy có đ- ợc mô tả trong cáo trạng, nh- ng Viện kiểm sát không truy tố thì không ghi.
(26) Trong phần này chỉ ghi sự phân tích và đánh giá của Hội đồng xét xử bao gồm:
- Phân tích và đánh giá những vấn đề đã đ- ợc tranh tụng tại phiên toà;
- Phân tích những chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định vô tội;
- Đánh giá bị cáo có phạm tội không và nếu bị cáo có phạm tội, thì phạm tội gì, theo khoản nào, điều nào của Bộ luật hình sự;
- Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo;
- Đánh giá thiệt hại và xác định trách nhiệm bồi th- ờng thiệt hại (nếu có);
- H- ớng giải quyết về xử lý vật chứng (nếu có).
(27) Trong phần này ghi các quyết định của Toà án và quyền kháng cáo đối với bản án nh- sau:
a. Tr- ờng hợp bị cáo có phạm tội:
- Tuyên bố bị cáo (các bị cáo)... phạm tội (các tội)... (bị cáo nào phạm tội nào thì ghi tội đó);
- áp dụng điểm... khoản... Điều... của Bộ luật hình sự; nếu có nhiều bị cáo phạm các tội khác nhau, thì ghi áp dụng điểm... khoản... Điều... của Bộ luật hình sự đối với bị cáo (các bị cáo)... và áp dụng điểm... khoản... Điều... của Bộ luật hình sự đối với bị cáo (các bị cáo)...;
- Xử phạt bị cáo... (ghi tên từng bị cáo và mức hình phạt). Tiếp đó ghi thời điểm để tính thời hạn chấp hành hình phạt; nếu cho bị cáo đ- ợc h- ởng án treo thì cần giao ng- ời đ- ợc h- ởng án treo cho cơ quan, tổ chức nơi ng- ời đó làm việc hoặc chính quyền địa ph- ơng nơi ng- ời đó th- ờng trú để giám sát và giáo dục. Trong tr- ờng hợp cần tiếp tục tạm giam bị cáo để bảo đảm thi hành hình phạt tử hình thì ghi: "tiếp tục tạm giam bị cáo để bảo đảm thi hành án".
- Việc bồi th- ờng thiệt hại: Cần thiết phải ghi: áp dụng khoản... Điều... (t- ơng ứng) của Bộ luật dân sự buộc...;
- Việc xử lý vật chứng (nếu có) cần theo quy định tại Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003;
- Về án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm;
- Quyền kháng cáo đối với bản án. Đối với bị cáo bị xử phạt tử hình thì cần ghi thêm: "nếu họ không kháng cáo, thì họ có quyền làm đơn gửi Chủ tịch n- ớc xin ân giảm án tử hình trong thời hạn bảy ngày, kể từ ngày hết hạn kháng cáo".
b. Trong tr- ờng hợp bị cáo không phạm tội:
Căn cứ vào khoản... Điều 107 của Bộ luật tố tụng hình sự;
- Tuyên bố bị cáo không phạm tội;
- Giải quyết việc khôi phục danh dự, quyền và lợi ích hợp pháp của họ;
- Xác định trách nhiệm bồi th- ờng thiệt hại (nếu có);
- Việc xử lý vật chứng (nếu có);
- Về án phí (nếu có);
- Quyền kháng cáo đối với bản án.
c. Nếu bị cáo bị tuyên hình phạt trục xuất, thì Hội đồng xét xử cũng phải tuyên cả thời gian bị cáo phải rời khỏi Việt Nam.

Phần cuối cùng của bản án, nếu là bản án gốc đ- ợc thông qua tại phòng nghị án thì cần phải có đầy đủ chữ ký, họ và tên của các thành viên Hội đồng xét xử; nếu là bản án chính thì cần ghi nh- sau:

Nơi nhận:
(Ghi những nơi mà Toà án cấp sơ thẩm phải giao bản án theo quy định tại Điều 229 của Bộ luật tố tụng hình sự và những nơi cần l- u bản án chính)

TM. Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
Ký tên và đóng dấu của Toà án
(Họ và tên)